

# LUẬN CÂU XÁ TỤNG SỐ BỐN

## QUYỂN 3

### *Phẩm 2: PHÂN BIỆT CĂN*

(Phần 1)

#### 1. Giải thích tên phẩm:

Phẩm phân biệt căn: vì có thắng dụng tăng thượng nên gọi là “căn”, phẩm này nói về rất chi tiết nên gọi là “Phân biệt”. Lý do nói về phẩm Căn kế sau phẩm Giới vì phẩm Giới nói về thể của các pháp, trong lúc phẩm Căn lại nói về dụng, dựa vào thể để khởi dụng nên kế là nói về căn. Để giải thích về phẩm loại, văn luận chia làm ba đoạn: 1. Nói về hai mươi hai căn. 2. Nói về các pháp câu sinh. 3. Nói về sáu nhân, bốn duyên.

#### 2. Nói về hai mươi hai căn:

Phần nói về hai mươi hai căn lại được chia làm năm: 1. Giải thích nghĩa căn; 2. Nói về sự phước lập các căn; 3. Nói về thể của căn; 4. Nói về các môn; 5. Nói rộng các vấn đề khác.

Phần giải thích nghĩa căn trong đó có hai: 1. Nói về tông Tát-bà-đa. 2. Nói về các bộ phái khác. Trong phần nói về Tông Tát-bà-đa, luận chép: do giới như thể đã nêu các căn; nhờ vậy mới lập thành toàn bộ ý nghĩa tăng thượng của căn. (Đây là trả lời về nghĩa căn: căn thù thắng nên nói là trên hết, căn dụng thù thắng nên nói là tự tại, cả căn thể và căn dụng đều thù thắng nên nói là quang hiển, nhờ có tự tại quang hiển trên hết nên nói là tăng thượng; tức dùng ý nghĩa tăng thượng để giải thích căn). Ý nghĩa tăng thượng này là cái gì đối với cái gì? (Tức căn nào trong hai mươi hai căn đối với pháp gì mà gọi là Tăng thượng).

#### 3. Dùng ý nghĩa Tăng thượng để giải thích căn:

Tụng chép:

*Truyền thuyết năm đối bốn,  
Bốn căn đối hai thứ*

*Trong năm tám nhiễm tịnh  
Đều làm tăng thượng riêng.*

Giải thích:

**189. Truyền thuyết năm đối bốn:** năm căn như nhãn căn v.v... đều có ý nghĩa tăng thượng đối với bốn việc: 1. Trang nghiêm thân. 2. Dẫn dắt nuôi dưỡng thân. 3. Sinh khởi thức v.v... 4. Bất cộng sự. Như nhãn căn, nhĩ căn: trang nghiêm thân, nếu bị mù điếc thì thân hình sẽ xấu xí, dẫn dắt nuôi dưỡng thân, mắt thấy, tai nghe để tránh các hiểm nạn, sinh khởi thức v.v... như phát khởi nhãn thức, nhĩ thức và các tâm sở tương ứng (“đẳng” (v.v...) là chỉ cho tâm sở), bất cộng sự, như mắt thì thấy sắc, tai thì nghe tiếng, mỗi căn đều có công dụng riêng.

Trường hợp tử căn, thiệt căn và thân căn: trang nghiêm thân, như nhãn căn và nhĩ căn, dẫn dắt nuôi dưỡng thân, như mũi thì ngửi mùi, lưỡi thì nếm vị, thân thì cảm nhận xúc - hương, vị, xúc đều có tánh chất đoạn thực vì có thể được thọ dụng, sinh khởi thức v.v... như phát khởi ba thức và các pháp tương ứng, bất cộng sự, như có ba tác dụng ngửi mùi, nếm vị, và cảm thọ xúc khác nhau.

**190. Bốn căn đối hai thứ:** bốn căn nữ căn, nam căn, mạng căn và ý căn đều có ý nghĩa tăng thượng đối với hai sự. Hai ý nghĩa tăng thượng của nữ căn, nam căn là “hữu tình dị” và “phân biệt dị”. “Hữu tình dị” là do hai căn này mà chúng sinh có hai giống nam nữ khác nhau, “phân biệt dị” là do hai căn này mà nam nữ có hình tướng, tiếng nói, hai vú, v.v... khác nhau. (Nam có thân hình to lớn, nữ có thân hình nhỏ bé, nam có tiếng nói lớn, nữ có tiếng nói nhỏ, nam có hai vú nhỏ, nữ có hai vú lớn).

Hai ý nghĩa tăng thượng của mạng căn là có công năng tiếp nối chúng đồng phần quá khứ và có công năng giữ gìn chúng đồng phần hiện tại.

Hai ý nghĩa tăng thượng của ý căn là có công năng tiếp nối hậu hữu và tự tại đi chung. “Hậu hữu” chính là sinh hữu: do ở trung hữu khởi tâm ái nhuế nên tiếp nối được sinh hữu. Luận dẫn kinh chép: ‘Lúc đó kiện-đạt- trói buộc, đối với hai tâm đã nương theo một tâm mà hiện hành; nghĩa là hoặc khởi chung với ái, hoặc cùng khởi với nhuế. (Kiện-đạt-trói buộc Hán dịch là “Tâm hương”, là tên của Trung hữu. Trung hữu nam thì khởi ái đối với mẹ, khởi nhuế đối với cha, trung hữu nữ thì khởi ái đối với cha, khởi nhuế đối với mẹ). Về “tự tại đi chung”, kinh nói: “Tâm có công năng dẫn dắt thế gian (tức là nghĩa tự tại), có công năng thâm nhiếp các thọ (tức nghĩa đi chung). Một tâm như thế có thể

tự tại đi chung”.

**191-192. Trong năm tám nhiệm tịnh:** “Năm” là năm thọ như lạc thọ v.v... “Tám” là năm căn như Tín căn v.v... và ba căn Vô lậu. Tất cả các căn này lần lượt làm tăng thượng đối với các pháp nhiệm, tịnh.

Năm thọ như lạc căn v.v... có ý nghĩa tăng thượng đối với pháp nhiệm: các tùy miên như tham v.v... đều tăng trưởng theo thọ, vì hỷ và lạc thọ thuận với tham, ưu, khổ thọ thuận với sân, xả thọ thuận với si.

Năm căn như Tín căn v.v... có ý nghĩa tăng thượng đối với pháp thanh tịnh, vì các pháp thanh tịnh đều nương theo đó để sinh trưởng.

#### 4. Nói về thuyết khác:

Dưới đây là thứ hai: là nói về các thuyết khác.

Tụng chép:

*Rõ tự cảnh tăng thượng  
Lập chung cả sáu căn,  
Từ thân lập hai căn  
Tánh Nữ nam tăng thượng  
Đồng trụ trong tạp nhiệm  
Vì Thanh tịnh tăng thượng  
Nên biết mạng năm thọ  
Tín thấy lập làm căn  
Vị đương tri dĩ tri  
Cụ tri căn cũng thế  
Ước hậu hậu đạo,  
Niết-bàn thấy tăng thượng.*

Giải thích:

**193-194. Rõ tự cảnh tăng thượng:** là sáu thức thân có công năng biết rõ căn. Sáu căn như nhãn căn v.v... có công năng phát khởi sáu thức, các tác dụng tăng thượng đối với việc biết rõ tự cảnh cho nên cả sáu căn như nhãn căn v.v... đều được lập làm căn.

**195-196. Từ thân lập hai căn:** nam căn nữ căn có ý nghĩa tăng thượng với tánh nữ và tánh nam. Nữ có loại hình, âm thanh, tác nghiệp, chí lạc khác nhau nên nói là nữ tánh. “Tác nghiệp” là làm các việc như may quần áo v.v... “chí lạc” là thích dùng sơn phấn. Thân Nam cũng có loại hình, âm thanh, tác nghiệp, chí lạc khác nhau nên nói là tánh nam. Tác nghiệp viết, vẽ v.v... chí lạc là thích dùng cung tên, cưỡi ngựa. Hai tánh khác nhau là do nam căn và nữ nên nói hai căn này có ý nghĩa tăng thượng đối với hai tánh.

**197-198-199-200. Đồng trụ trong tạp nhiệm,** vì thanh tịnh tăng

thượng, là dùng hai câu tụng dưới để giải thích hai câu tụng này: Nên biết rằng mạng căn có tác dụng tăng thượng đối với sự tồn tại của chúng đồng phần, nên biết rằng năm thọ có tác dụng tăng thượng đối với pháp tạp nhiễm. Vì thế kinh nói: “Tham tùy theo lạc thọ mà thêm lớn, sân tùy theo khổ thọ mà thêm lớn, si tùy theo xả thọ mà thêm lớn”. Nên biết rằng tín v.v... có tác dụng tăng thượng đối với pháp thanh tịnh: nhờ có năm căn như Tín căn căn, v.v... mà ở các giai đoạn như Noãn, Đảnh mới hàng phục được các phiền não, dẫn dắt Thánh đạo. Nói “nên biết rằng” là lời khuyên hãy thừa nhận rằng mỗi căn đều có công năng làm căn.

**201-202-203-204. Ba căn Vô lậu có tác dụng tăng thượng đối với việc đạt được đạo Niết-bàn về sau.** Nói “cũng thế” là so sánh để nói lên ý nghĩa mỗi căn đều có công năng làm căn. Tức vị tri đương tri căn có tác dụng tăng thượng đối với việc đắc được dĩ tri căn đạo: vị tri căn là thấy đạo, dĩ tri căn là tu đạo, vì thấy đạo dẫn đến tu đạo nên có tác dụng tăng thượng đối với dĩ tri căn. Dĩ tri căn có tác dụng tăng thượng đối với việc đắc được cụ tri căn đạo: dĩ tri căn là tu đạo, cụ tri căn là đạo Vô học, vì tu dẫn đến đạo Vô học nên dĩ tri căn có tác dụng tăng thượng đối với cụ tri căn. Cụ tri căn có tác dụng tăng thượng đối với việc đắc Niết-bàn: nhờ cụ tri căn mà tâm được giải thoát, tâm có giải thoát mới chứng Niết-bàn vì thế có tác dụng tăng thượng đối với Niết-bàn. Luận chép: “Vì không có trường hợp tâm chưa giải thoát mà chứng được Niết-bàn”. Bài tụng vẫn nói hậu hậu tức dĩ tri căn ở sau vị tri căn cụ tri căn lại nằm sau dĩ tri căn, đáng là chỉ cho lại có thuyết khác. Có thuyết cho rằng vị tri đương tri căn có tác dụng tăng thượng đối với sự dứt trừ các phiền não thuộc thấy thì dứt, dĩ tri căn có tác dụng tăng thượng đối với sự dứt trừ các căn có công năng lãnh thọ hỷ lạc sự nghiệp trong thân giải thoát.

### 5. Nói về sự phế lập các căn:

Dưới đây là thứ hai của toàn văn: Nói về sự phế lập các căn, trong đó có hai: 1. Nói về tự tông. 2. Nêu ra thuyết khác. Trong phần nói về tự tông, nêu câu hỏi. Luận chép: “Nếu vì tăng thượng mà lập làm căn thì các tánh vô minh v.v... cũng nên được lập làm căn, vì các nhân như vô minh v.v... đều có tác dụng tăng thượng riêng đối với các quả như hành v.v... (ở đây y theo tự tông để đặt câu hỏi: mười hai nhân duyên đều có tác dụng tăng thượng đối với việc dẫn khởi lẫn nhau lẽ ra cũng phải lập làm căn). Ngoài ra, ngũ cụ v.v... lẽ ra cũng được lập làm căn vì ngũ cụ, tay, chân, hai chỗ đại tiểu tiện đều có tác dụng tăng thượng đối với lời nói, sự cầm nắm, sự bước đi, sự bài tiết, sự ưa thích”. Giải thích Ở đây

dựa vào chủ trương của Số Luận để nêu câu hỏi: “ngữ cụ” là cái lưới, có tác dụng tăng thượng đối với ngôn ngữ; tay có tác dụng tăng thượng đối với sự cầm nắm, chân có tác dụng tăng thượng đối với sự đi lại, chỗ đại tiện có tác dụng tăng thượng đối với sự bài tiết, chỗ tiểu tiện có tác dụng tăng thượng đối với sự sinh khởi dâm lạc; cho nên lẽ ra cũng phải xếp vào căn.

Các việc trên đây không được xếp vào căn vì đã thừa nhận căn có những tánh chất như sau:

Tụng chép:

*Tâm sở y đây khác  
Đây trụ đây tạp nhiễm  
Đây Tư lương đây tịnh  
Do lượng này lập căn.*

Giải thích:

**205. Tâm sở y:** là sáu căn như nhãn căn v.v... sáu xứ thuộc bên trong này là gốc của hữu tình. Đây khác: sáu căn này đều có tánh chất khác nhau, vì hai căn nam nữ khác nhau.

**206. Đây trụ:** Lại cũng do mạng căn khác nhau, tức sáu căn chỉ trụ được trong một thời hạn nào đó. Đây tạp nhiễm: sáu căn trở thành tạp nhiễm là do năm thọ căn khác nhau.

**207. Đây tư lương:** sáu căn này có khả năng làm tư lương cho pháp thanh tịnh Vô lậu vì nhờ có năm căn như Tín căn v.v... Thử tịnh: sáu căn này trở thành tịnh Vô lậu là nhờ có ba căn Vô lậu.

**208. Nhờ các tánh chất trên nên việc lập làm căn mới được rõ ràng, vì thế không nên thừa nhận vô minh v.v... và ngữ cụ v.v... cũng có thể lập làm căn:** Chúng đều không có tác dụng tăng thượng đối với các việc này.

## 6. Nêu luận thuyết khác:

Dưới đây là thứ hai: Nêu luận thuyết khác, tức các Luận sư chủ trương “Thức kiến”. Luận chép: “Lại có có Luận sư khác nói về các tánh chất khác của căn”.

Tụng chép:

*Hoặc trôi lăn sở y  
Và sinh trụ thọ dụng  
Kiến lập mười bốn trước  
Hoàn diệt sau cũng thế.*

Giải thích:

**209-210-211-212. Hoặc:** nói hiển bày, đây là ý của các Luận sư

khác, dựa vào lưu chuyển và hoàn diệt để lập thành hai mươi hai căn.

Nói “lưu chuyển” là vì lấy thức làm thể và trôi lăn trong sinh tử. Có bốn thứ lưu chuyển: 1. Lưu chuyển sở y, tức sáu căn như nhãn căn, v.v... 2. Lưu chuyển sinh, tức do nam căn, nữ căn nên mới sinh ra từ đó; 3. Lưu chuyển trụ, tức do mạng căn nên mới nương vào đó để trụ; 4. Lưu chuyển thọ dụng, tức do năm thọ căn nên có công năng lãnh thọ. Trên đây đều dựa vào bốn nghĩa này để lập thành mười bốn trường hợp đầu tiên; điều này suy nghĩ sẽ hiểu.

Nói “hoàn diệt” nghĩa là sinh tử chấm dứt, lấy sự đắc được Niết-bàn làm thể. Trong giai đoạn hoàn diệt cũng dựa vào bốn nghĩa trên để lập thành tám căn cuối: 1. Hoàn diệt sở y, tức năm căn như Tín căn v.v... là gốc sinh ra tất cả các pháp thiện; 2. Hoàn diệt sinh, tức do vị trí đương tri căn mà bắt đầu sinh khởi được định; 3. Hoàn diệt đắc trụ, tức do dĩ tri căn mà được Niết-bàn nối tiếp sinh khởi; 4. Hoàn diệt đắc thọ dụng, tức do cụ tri căn mà thọ dụng hiện pháp lạc trụ. Lại Luận kết thúc rằng: “Do vậy, căn lượng không thêm không bớt; tức vì các duyên này mà kinh lập ra thứ lớp như vậy”. (“do đó” có nghĩa là do lưu chuyển và hoàn diệt mà hai mươi căn không thể tăng thêm hoặc giảm bớt).

### 7. Nói về thể của căn:

Dưới đây là thứ ba của toàn văn, nói về về thể của căn. Sáu căn như nhãn căn v.v... và hai căn nam nữ nói trong phẩm Giới, mạng căn và năm căn như Tín căn v.v... sẽ nói ở sau. Chỉ có năm thọ căn và ba căn Vô lậu là không được chỗ nào khác nói đến, cho nên nay mới giải thích.

Tụng chép:

*Thân không vui gọi khổ  
 Ngay vui này gọi lạc  
 Và ba định tâm duyệt  
 Chỗ khác đây gọi hỷ  
 Tâm không vui gọi ưu  
 Trung xả hai không khác  
 Kiến tu Vô học đạo  
 Y chín lập ba căn.*

Giải thích:

**213. Thân không vui gọi là khổ:** “thân” là thân thọ, tức thọ tương ưng với năm thức. Thân là sở y, thọ nương vào thân để khởi nên gọi là “Thân thọ”, là thọ của thân thuộc về Y chủ thích. Nói “không vui” nghĩa là tổn não: thường làm tổn não thân thọ nên gọi là gốc khổ.

**214. Ngay vui này gọi lạc:** Chỉ cho thân thọ ở trước gọi là ngay vui này. Trong thân thọ này nếu có công năng làm tăng ích thì đó gọi là lạc căn.

**215. Và ba định tâm vui:** “tâm” là ý thức thứ sáu, tức ở định thứ ba, loại thọ tương ứng với tâm có công năng làm tăng ích cũng được gọi là lạc căn. Vì ở thiền thứ ba không có năm thức, tức không có loại thân thọ lạc mà chỉ tâm vui được gọi là lạc.

**216. Chỗ khác đây gọi hỷ:** trừ thiền thứ ba, ba địa còn lại ở dưới gọi là “dư xứ”. (Ba địa dưới là cõi Dục, sơ tinh lự và tinh lự thứ hai). “Đây” là chỉ cho ý thức thứ sáu, tức loại tâm duyệt này ở vào ba địa dưới được gọi là hỷ căn, nhưng tinh lự thứ ba thì lại gọi là lạc căn vì đã lìa bỏ hỷ tham. Ở ba địa ở dưới, tâm duyệt này thô động vì còn hỷ tham nên chỉ gọi là hỷ căn.

**217. Tâm không vui gọi là ưu:** loại tâm không vui tương ứng với ý thức, thường làm tổn não thọ nên gọi là ưu căn.

**218. Trung xả hai không khác:** “Trung” là không phải duyệt cũng không phải bất duyệt, tức loại thọ “bất khổ bất lạc”, loại thọ “ở giữa” (xử trung) này được gọi là xả căn. “Nhị” là chỉ cho thân và tâm; thân là năm thức, tâm là ý thức. Xả ở thân tâm, đều vô phân biệt, nhậm vận mà sanh, cho nên tuy có ở cả hai chỗ nhưng chỉ lập một xả căn. Luận chép: “Khổ, lạc ở tâm phần lớn sinh khởi là do phân biệt; ở thân thì khác, thọ sinh khởi là tùy theo năng lực của cảnh. Bạc A-la-hán v.v... cũng vậy, vì thế ở đây lập văn thân tâm khác nhau. Giải thích: “các tâm thọ khổ vui” tức là thọ thuộc ý địa: khổ và vui ở tâm sinh khởi là do phân biệt nên khổ gọi là ưu, lạc gọi là hỷ. Vì để chỉ rõ sự khác nhau với loại lạc thọ ở thiền thứ ba vốn không phân biệt, cho nên nói thường sanh phân biệt”. Khổ, vui ở năm thức thân vốn không phân biệt nên nói là không đúng tức năm thức thân đều tùy theo năng lực của cảnh nên nói là “không phân biệt”. Nói A-la-hán v.v... là nói bậc Thánh cũng giống như phàm. Vì thế khổ, vui ở năm thức thân vẫn gọi là khổ, vui nhưng ở ý thức thứ sáu thì lại gọi là hỷ, là ưu.

**219-220. Kiến tu đạo Vô học, y chín lập ba căn:** “Chín” là chỉ cho bốn căn ý, hỷ, lạc, xả và năm căn như Tín căn v.v... Nếu ở thấy đạo thì dựa vào chín căn này để lập thành vị tri đương tri căn, nếu ở tu đạo thì lập thành dĩ tri căn, nếu ở đạo Vô học thì lập thành cụ tri căn. Luận chép: “Ba tên gọi này y theo đâu để lập thành? Khi ở thấy đạo, đối với những điều chưa hề hiểu được nghĩ rằng sẽ hiểu thì gọi là “Vị tri đương tri”. Giải thích Thấy đạo có mười lăm tâm là tám nhãn và bảy trí. Mười



lắm tâm này đối với cảnh tứ đế chưa từng biết được sự chuyển biến của các hành tướng sẽ được nhận biết, như Khổ pháp nhãn cùng sinh với nghi. Chưa biết được khổ đế gọi là “chưa hề biết” về nhãn còn lại cũng vậy cho nên tất cả các nhãn đều được gọi là vị tri đương tri. Bảy trí trung gian tuy có công năng chánh tri nhưng vì biết đế chưa khởi khắp trung gian nên cũng gọi là vị tri đương tri, vì thế gọi hành giả có thấy đạo kia là “vị tri đương tri”. Lại Luận chép: “Nếu ở tu đạo thì không có gì chưa được biết nhưng vì để dứt trừ các tùy miên còn lại nên đối với các đế cảnh lại thường biết rõ vì thế được gọi là “đĩ tri”. Giải thích Từ Đạo loại trí trở lên cho đến định Kim cương dụ đều gọi là Tu đạo. Nếu ở tu đạo thì tám đế trên dưới đều đã biết rõ và không còn gì chưa biết, nhưng vì để dứt trừ các phiền não thuộc về mê sự là bốn tùy miên tham, sân, si, mạn nên đối với cảnh Tứ đế vẫn thường khởi trí để nhận biết vì thế gọi là hành giả ở tu đạo là “đĩ tri”, tức đã biết rồi nhưng vẫn tiếp tục nhận biết. Lại Luận chép: “Ở Vô học đạo, biết mình đã biết nên gọi là “cụ tri”. (Đây là giải thích về tri, tức Tận trí và trí Vô sinh. Giải thích trường hợp “biết mình đã biết” nên gọi là tri). Có được cái biết này thì gọi là “cụ tri” (đây là giải thích về cụ, nói “có được” là giúp cho sự thành tựu), hoặc vì sự tu tập loại biết này đã thành tánh nên nói là “cụ tri” (đây là giải thích thứ hai: dựa vào nghĩa của tu tập để giải thích về “cụ”), vì đắc được Tận trí và trí Vô sanh, biết mình đã hoàn toàn biết được cảnh khổ đế nên không cần biết lại nữa v.v... (Đây là giải thích về thể của tri, tức Tận trí và trí Vô sanh là thể của “cụ tri”: tự biết được “mình đã hoàn toàn biết được khổ” là hành tướng của tận trí, và “không còn phải biết nữa” là hành tướng của trí Vô sanh; tự biết “mình đã dứt được tập” là hành tướng của Tận trí, và “không còn phải dứt lại nữa” là trí Vô sanh, “mình đã chứng diệt” là Tận trí, và “mình không còn phải chứng nữa” là trí Vô sanh, “mình đã tu đạo” là Tận trí, và “mình không còn phải tu nữa” là trí Vô sanh. Vì bao gồm các nghĩa này nên nói là cho đến nói rộng. Vì họ (bỉ) có các căn này nên gọi là Vị tri đương tri căn v.v...”. Giải thích đây là giải thích Danh. Nói “kia” là chỉ cho các hành giả có căn Vị tri đương tri v.v... “kia” thuộc người, căn thuộc pháp, kia là “vị tri đương tri” v.v... vì trong thân hành giả có các căn này gọi là vị tri đương tri căn v.v... Căn thuộc về loại tri đương tri nên gọi là vị tri đương tri căn, thuộc về Y chủ thích. Phần trình bày về thể căn thứ ba đến đây là hết.

### 8. Nói rộng về các loại:

Dưới đây là thứ tư của toàn văn, nói rộng về các loại, trong đó có sáu: 1. Môn Hữu lậu và Vô lậu; 2. Môn dị thực và phi dị thực; 3. Môn có



dị thực và không có dị thực; 4. Môn Ba Tánh; 5. Môn Giới Hệ; 6. Môn Ba Đoạn. Về Hữu lậu và Vô lậu, luận chép: “Trong hai mươi hai căn, có mấy căn Hữu lậu, có mấy căn Vô lậu?”.

Tụng chép:

*Chỉ ba sau Vô lậu  
Hữu sắc mạng ưu khổ  
Nên biết chỉ Hữu lậu  
Chung hai, chín căn khác.*

Giải thích:

**221. Chỉ ba sau Vô lậu:** là ba căn vị tri đương tri, dĩ tri, và cụ tri. Ba căn này nằm ở cuối nên nói là “ba sau”, thể của chúng là Vô lậu.

**222-223. Hữu sắc mạng ưu khổ, nên biết chỉ Hữu lậu:** “hữu sắc” là bảy sắc căn, gồm năm căn như nhãn căn v.v... và hai căn nam nữ. Bảy căn này đều thuộc về sắc uẩn nên gọi là “Hữu sắc”. Bảy căn hữu sắc này và mạng căn, ưu căn và khổ căn đều là Hữu lậu.

**224. Chung hai chín căn khác:** Gồm cả hai thứ Hữu lậu và Vô lậu là ý căn, hỷ căn, lạc căn, xả căn và năm căn như Tín căn v.v... Chín căn này có cả Hữu lậu và Vô lậu.

### 9. Nói về dị thực và phi dị thực:

Dưới đây là thứ hai: dị thực và phi dị thực. Luận chép: “Trong hai mươi hai căn, mấy căn là dị thực, mấy căn không phải dị thực?”.

Tụng chép:

*Mạng chỉ là dị thực  
Ưu và sau tám phi  
Sắc ý bốn thọ khác  
Mỗi pháp đều có hai*

Giải thích:

**225. Mạng chỉ là dị thực:** mạng căn chỉ thuộc về dị thực vì do nghiệp chiêu cảm.

**226. Ưu và sau tám phi:** ưu căn và tám căn như Tín căn v.v... ở cuối đều là phi dị thực. Ưu căn gồm cả thiện ác, tám căn như Tín căn v.v... chỉ thuộc về thiện, vì là hữu ký nên không phải dị thực.

**227-228. Sắc ý bốn thọ, khác, mỗi pháp đều có hai:** “sắc” là bảy sắc, cùng với ý căn và bốn thọ còn lại (tức trừ ưu) đều có cả hai thứ dị thực và phi dị thực. Nếu là nuôi lớn tức là phi dị thực, ý và bốn thọ do nghiệp chiêu cảm nên đều là dị thực. Nếu là tánh thiện, ác hoặc các tánh uy nghi, công xảo. Thì đó là thông quả không phải dị thực, vì thế mười hai căn này đều có cả hai môn.

## 10. Nói về môn có dị thực và không có dị thực:

Dưới đây là thứ ba: Môn có dị thực và không dị thực. Luận chép: “Như vậy đã nói về dị thực v.v... trong hai mươi hai căn, có mấy căn là dị thực, có mấy căn không phải dị thực?”.

Tụng chép:

*Ưu phải có dị thực  
Tám trước ba sau vô  
Ý dư thọ tín thấy  
Mỗi pháp đều có hai*

Giải thích:

**229. Ưu chắc chắn có dị thực:** ưu căn chắc chắn có dị thực. Văn tụng nói “định” là dựa vào ý nghĩa của “duy việt”: “duy” là nói ưu căn chỉ có dị thực “việt” gồm vì có đủ hai nghĩa nên vượt qua thứ lớp của căn để trước nói về ưu căn; “hai nghĩa” là: 1. Ưu chẳng phải vô ký, do loại tư mạnh sinh khởi. 2. Ưu chẳng phải Vô lậu vì chỉ có ở tán địa; vì thế mới bỏ qua thứ lớp để nói rằng ưu căn chắc chắn có dị thực.

**230. Tám trước ba sau vô:** “Tám trước” là tám căn như nhãn căn v.v... ở đầu, “ba sau” là ba căn Vô lậu. Mười một căn này chắc chắn không có dị thực: tám căn như nhãn căn v.v... đều thuộc tánh vô ký và ba căn cuối cùng lại là Vô lậu, tất cả đều không có công năng chiêu cảm quả nên không có dị thực.

**231-232. Ý dư thọ tín v.v... mỗi pháp đều có hai:** ý căn, là bốn thọ còn lại (tức trừ ưu), và năm căn như Tín căn v.v... ở đây là mười căn, mỗi căn đều có dị thực hoặc không có dị thực. Bốn căn ý, lạc, hỷ và xả nếu thuộc thiện Hữu lậu hoặc ác Hữu lậu thì có dị thực, nếu thuộc Vô lậu vô ký thì không có dị thực. Khổ căn nếu thuộc thiện ác thì có dị thực, nếu thuộc vô ký thì không có dị thực. Năm căn như Tín căn v.v... nếu thuộc Hữu lậu thì có dị thực, nếu là Vô lậu thì không có dị thực. Vì thế mười căn này đều có cả hai loại.

## 11. Nói về môn Ba tánh:

Dưới đây là thứ tư, là môn ba tánh. Luận chép: “Như vậy đã nói về “có dị thực” hoặc “không có dị thực”. Trong hai mươi hai căn, có mấy căn thiện, có mấy căn ác, có mấy căn vô ký?”.

Tụng chép:

*Chỉ thiện sau tám căn  
Ưu có thiện bất thiện  
Ý dư thọ ba thứ  
Tám trước chỉ vô ký.*

Giải thích:

**233. Tám căn sau chỉ thiện:** Tám căn sau là tám căn như Tín căn v.v... chỉ có tánh thiện.

**234. Ưu có thiện bất thiện:** ưu không phải là vô ký vì do loại tư mạnh sinh khởi nên có cả thiện lẫn ác.

**235. Ý dư thọ ba thứ:** ý căn và bốn thọ còn lại (tức ưu căn) đều có cả ba tánh.

**236. Tám trước chỉ vô ký:** tám căn như nhãn căn v.v... ở đầu chỉ thuộc tánh vô ký. Năm căn như nhãn căn v.v... và ba căn nam nữ thọ mạng gọi là tám căn.

## 12. Nói về môn Giới Hệ:

Dưới đây là thứ năm, là môn giới hệ. Luận chép: “Như vậy đã nói về thiện, bất thiện v.v... Trong hai mươi hai căn, có mấy căn lệ thuộc cõi Dục, có mấy căn lệ thuộc cõi Sắc, có mấy căn lệ thuộc cõi Vô Sắc

Tụng chép:

*Cõi Dục, Sắc, Vô Sắc  
Thứ lớp trừ ba sau  
Gồm ưu khổ nữ nam  
Và hỷ lạc cõi Sắc.*

Giải thích:

**237. Câu tụng đầu là nêu tên ba cõi.**

**238. Như thứ lớp dứt ba sau:** phối hợp các nghĩa ở dưới với câu tụng đầu ở trên nên nói “như thứ”, “trừ ba sau” nói cõi Dục hệ: trong cõi Dục có mười chín căn, tức dứt trừ ba căn Vô lậu vì chúng thuộc loại “bất hệ”.

**239. Gồm ưu khổ nữ nam:** Nói về hệ cõi Sắc. Ngoài các căn trong cõi Sắc đã nói trên, trừ ba căn sau và bốn căn ưu khổ nam nữ, mười lăm căn còn lại đều thuộc cõi Sắc. Trừ nam căn và nữ căn vì đã lia bỏ dâm dục, hơn nữa vì nam căn, nữ căn là các căn xấu xí. Kinh nói cõi Sắc được gọi là “Nam” vì có tánh chất của nam chứ không phải vì có nam căn. Cõi Sắc không có khổ căn vì thân vốn tịnh diệu (không phải là sở y của khổ) và vì không có việc bất thiện. Không có cảnh khổ, không có ưu căn vì có định nhuần thấm nối tiếp: Nối tiếp tức thân không phải là sở y của ưu vì cõi ấy không có các việc ão hại, không phải lo sợ.

**240. Tịnh dư sắc hỷ lạc:** nói về cõi Vô Sắc hệ. Ở cõi Vô Sắc cũng giống như ở cõi Sắc: tức trừ ba căn cuối và bốn căn nam nữ ưu khổ, ngoài ra lại trừ thêm các sắc căn còn lại và hai căn hỷ lạc. Nói “các sắc căn còn lại” là chỉ cho năm căn như nhãn căn, v.v... và hai căn nam nữ.

Trừ tất cả các căn này ra, tám trường hợp còn lại đều lệ thuộc cõi Vô Sắc, tức ý, mạng, xả và năm căn như Tín căn v.v...

### 13. Nói về môn Tam đoạn:

Dưới đây là thứ sáu, là môn Tam Đoạn. Luận chép: “Đã nói về sự lệ thuộc cõi Dục v.v... như vậy Trong hai mươi hai căn, có mấy căn thuộc thấy thì dứt, có mấy căn thuộc tu đoạn, có mấy căn thuộc phi sở đoạn?”.

Tụng chép:

*Ý ba thọ chung ba  
Ưu kiến tu sở đoạn  
Chín chỉ tu sở đoạn  
Năm tu phi ba phi.*

Giải thích:

**241. Ý ba thọ chung ba:** ý và ba thọ có cả ba thứ, ba thọ là hỷ, lạc, và xả. Bốn căn này nếu là Hữu lậu thì thuộc thấy tu đoạn, nếu là Vô lậu thì thuộc phi sở đoạn.

**242. Ưu kiến tu sở đoạn:** nếu ưu căn tương ứng với phiền não mê lý thì thuộc thấy thì dứt, số còn lại đều là Hữu lậu nên thuộc tu đoạn, tất cả đều không phải là Vô lậu nên không thuộc phi sở đoạn.

**243. Chín chỉ tu sở đoạn:** “Chín” là bảy sắc căn, mạng và khổ căn, chỉ thuộc tu đoạn. Bảy sắc căn và mạng thuộc căn tánh vô ký, vì là thứ bất nhiễm ô; khổ căn tương ứng với năm thức, chứ không do ý thức thứ sáu sinh khởi. Trước đây đã nói rằng pháp “bất nhiễm ô” và sắc pháp thuộc loại “phi lực sinh” chắc chắn không do thấy đạo dứt trừ vì thế chín căn này đều không thuộc về thấy thì dứt, cũng không phải Vô lậu nên không thuộc phi sở đoạn.

**244. Năm tu phi ba phi:** “năm” là năm như căn tín căn v.v... có cả tu đoạn và phi đoạn, nếu Hữu lậu thì thuộc tu đoạn, nếu Vô lậu thì thuộc phi đoạn, vì không nhiễm ô nên không thuộc thấy thì dứt. Ba căn Vô lậu chỉ thuộc phi đoạn vì không có trường hợp pháp Vô lậu lại là pháp được dứt trừ. Đến đây là kết thúc thứ tư nói rộng nói các môn.

### 14. Nói về các vấn đề khác:

Dưới đây là thứ năm, nói về các vấn đề khác, trong đó có sáu:

1. Môn thọ sinh đặc dị thực.
2. Môn số lượng căn bị diệt khi mạng chung.
3. Số lượng căn đặc được quả dụng.
4. Số lượng căn chắc chắn được thành tựu.
5. Số lượng ít nhất các căn được thành tựu.

6. Số lượng nhiều nhất các căn được thành tựu.

Về phần thọ sinh đặc dị thực. Luận chép: “Đã nói về nội dung các loại khác nhau. Có bao nhiêu căn dị thực được chúng sinh ở các giới đắc được trong lần đầu tiên?”.

Tụng chép:

*Thai noãn thấp sinh Dục  
Sơ đắc hai dị thực  
Hóa sinh sáu, bảy, tám.  
Sắc sáu thượng chỉ mạng.*

Giải thích:

**245-246. Thai noãn thấp sinh côi Dục, sơ đắc hai dị thực:** “dục” là côi Dục, “thai, noãn, thấp sinh” là trừ hóa sinh. Ba thứ sinh này ở vào giai đoạn thọ sinh chỉ được hai căn dị thực là thân và mạng, vì các căn ở ba thứ này sinh khởi dần dần cho nên không thể đắc ngay các căn khác.

**247. Hóa sinh sáu bảy tám:** hóa sinh ở giai đoạn mới thọ sinh đắc được sáu, bảy, tám căn. Sáu căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và mạng, vì lúc mới bắt đầu là do vô hình hóa sinh, có sáu căn. Đắc bảy căn là như các vị trời v.v... có sáu căn như trên cộng thêm một trong hai căn nam nữ. Tám căn là ở trong đường ác, có thể từ hai hình mà hóa sinh, gồm sáu căn như trên cộng thêm hai căn nam nữ.

**248. Sắc sáu trên chỉ mạng:** “sắc” là côi Sắc, lúc đầu chỉ đắc sáu căn, như vô hình ở côi Dục.

Trên chỉ có mạng: “trên” là côi Vô Sắc, vì cao siêu hơn hai côi dưới nên gọi là trên. Thứ nhất là có định cao siêu vì có nhân là Vô Sắc, thứ hai là có sinh cao siêu vì đó là quả Vô Sắc, “chỉ có mạng” là lúc đầu chỉ được mạng căn.

## 15. Nói về số căn diệt lúc chết:

Dưới đây là thứ hai: số lượng căn diệt vào lúc chết. Luận chép: “Đã nói về việc đắc căn dị thực ở giai đoạn đầu. Khi chết có bao nhiêu căn bị diệt sau?”.

Tụng chép:

*Khi chết diệt các căn  
Vô Sắc ba Sắc tám  
Dục đốn mười tám chín  
Tiệm bốn thiện tăng năm.*

Giải thích:

**249. Khi chết diệt các căn:** ý nghĩa của câu này là chỉ cho cả ba

câu ở dưới.

**250. Vô Sắc ba Sắc tám:** ở cõi Vô Sắc, khi sắp chết có ba căn là mạng, ý, và xả; ở cõi Sắc có tám là mạng, ý, xả và năm căn như nhãn căn v.v... Luận chép: “Tất cả hóa sinh đều sinh và diệt với tất cả các căn”. (giải thích nghĩa trên).

**251. Dục đốn mười tám chín:** ở cõi Dục, nếu chết ngay thì có mười căn, chín căn, tám căn bị diệt sau cùng. Diệt mười căn là người hai hình: lúc chết ngay thì năm căn như nhãn căn v.v... và năm căn nam, nữ, mạng, ý, xả bị diệt sau cùng. Diệt chín căn là người một hình: lúc chết ngay thì trong mười căn ở trên trừ một trong hai căn nam nữ. Diệt tám căn là người vô hình: lúc chết ngay thì trong mười căn ở trên trừ hai căn nam, nữ vì là thứ vô hình.

**252. Tiệm bốn thiện tăng năm:** “Tiệm” là chết dần. Đối với chết dần ở cõi Dục, lúc sắp chết chỉ diệt bốn căn là thân, mạng, ý và xả.

Thiện tăng năm: Thiện là tâm thiện, khi chết với tâm thiện thì cộng thêm năm căn như Tín căn v.v...

Đối với chết ngay và chết dần ở trên, nói diệt ba căn là dựa vào tâm nhiễm ô vô ký vào lúc chết, nếu chết với tâm thiện thì các trường hợp trên đều cộng thêm năm căn như Tín căn v.v... vì thế ba căn nói trên tăng thành tám căn, nếu tám căn thì tăng thành mười ba căn, nếu chín căn thì thành mười bốn, nếu mười căn thì thành mười lăm.

Trong trường hợp chết dần bị diệt bốn căn thì cộng thành chín căn, vì khi chết với tâm thiện ở ba cõi đều có năm căn như Tín căn v.v...

## 16. Nói về số lượng các căn được quả dụng:

Dưới đây là thứ ba, nói về số lượng các căn được quả dụng. Luận chép: “Tất cả căn pháp trong phẩm Phân biệt căn đều nên được suy xét: Trong hai mươi căn, căn nào chứng đắc quả Sa-môn nào?”.

Tụng chép:

*Chín đắc hai quả biên  
Hai trong bảy tám chín  
Mười một A-la-hán  
Nương một dung có nói.*

Giải thích:

**253. Chín đắc hai quả biên:** “biên” là quả Dự lưu và quả A-la-hán, vì nằm ở đầu và cuối nên nói là biên. Hai quả ở biên này đều do chín căn chứng đắc.

Đối với quả Dự lưu là ý căn, xả căn, năm căn như Tín căn v.v... vị tri đương tri căn, và dĩ tri căn là chín. Quả này nương vào định Vị chí

nên chỉ có xả thọ. Luận chép: “Vị tri đương tri căn ở đạo Vô gián và dĩ tri căn tại đạo Giải thoát giúp sức cho nhau, vì lúc được sơ quả, theo thứ lớp trên, chúng có công năng làm dẫn nhân và y nhân cho sự lìa trói buộc đắc”. Giải thích Vị tri đương tri căn ở đạo Vô gián chính là tâm thứ mười lăm, tức đạo loại nhân, dĩ tri căn ở đạo Giải thoát chính là tâm thứ mười sáu, tức Đạo loại trí. Đạo Vô gián này làm nhân đồng loại dẫn sinh lìa trói buộc đắc nên nói là dẫn nhân, đạo Giải thoát này sinh cùng lúc với lìa trói buộc đắc, giữ gìn lìa trói buộc đắc nên nói là y nhân. Nói “lìa trói buộc đắc” là sự đắc được vô vi trên hết.

Đối với quả A-la hán là ý căn, năm căn như Tín căn v.v... dĩ tri căn, cụ tri căn, và một trong ba căn hỷ, lạc, xa vì quả A-la-hán có thể được chứng đắc ở cả chín địa. Chín địa là Vị chí, trung gian, bốn căn tĩn lự căn bản và ba định Vô Sắc, tức trừ Hữu Đảnh. Nếu nương Vị chí, Trung gian, tĩn lự thứ tư, và ba định Vô Sắc thì căn chứng đắc là xả thọ. Nếu nương tĩn lự và tĩn lự thứ hai thì hỷ thọ chứng đắc, nếu nương tĩn lự thứ ba thì lạc thọ chứng đắc. Vì thế trong ba thọ, mỗi thọ chỉ lấy một thứ. Luận chép: “Dĩ tri căn ở đạo Vô gián và cụ tri căn ở đạo Giải thoát giúp nhau chứng đắc quả sau rốt bởi vì, theo thứ lớp trên, chúng có thể làm dẫn nhân và y nhân cho lìa trói buộc đắc”. Giải thích Dĩ tri căn ở đạo Vô gián chính là định Kim cương dụ, cụ tri căn ở đạo Giải thoát chính là Tận trí. Dứt trừ phiền não ở Hữu Đảnh thì Đạo Vô gián thứ chín được gọi là định Kim cương dụ, và đạo Giải thoát thứ chín được gọi là Tận trí. đạo Vô gián này làm nhân đồng loại dẫn sinh lìa trói buộc đắc nên gọi là Dẫn nhân, đạo Giải thoát này làm nhân năng tác giữ gìn lìa trói buộc đắc nên gọi là Y nhân.

**254. Hai trong bảy, tám, chín:** là hai quả ở trung gian, tức quả Nhất lai và quả Bất hoàn. Hai quả này được bảy căn, tám căn hoặc chín căn chứng đắc.

Bảy căn đắc của quả Nhất lai là đắc theo thứ lớp của đạo Thế gian, gồm ý căn, xả căn, và năm căn như Tín căn v.v... vì nương định Vị chí để chứng quả Nhất lai nên chỉ có lấy bỏ mà không có các thọ khác.

Tám căn đắc quả Nhất lai là đạo Xuất thế, gồm bảy căn như trên cộng thêm dĩ tri căn là tám. Chín căn đắc quả Nhất lai là “bội lìa dục tham siêu việt chứng”, như quả Dự lưu.

Ở giai đoạn phạm phu trước đó dứt sáu phẩm tham thì gọi là “bội lìa tham”, nay nhập thấy đạo đến Đạo loại trí lại vượt qua quả Dự lưu mà chứng thẳng quả thứ hai cho nên nói là “siêu việt chứng”. Trên đây



là phần nói về quả Nhất lai đắc được do bảy, tám hoặc chín căn, nên tìm hiểu kỹ vấn đề này.

Bảy căn đắc quả Bất Hoàn là đắc theo thứ lớp của đạo Thế gian, gồm ý căn, xả căn và năm căn như Tín căn v.v...

Tám căn đắc quả Bất hoàn có hai trường hợp: trường hợp thứ nhất là nương theo đạo xuất thế, gồm bảy căn giống như trên, cộng thêm dĩ tri căn, trường hợp thứ hai là chứng đắc theo thứ lớp của đạo Thế gian, gồm ý căn, hỷ căn, xả căn và năm căn như Tín căn v.v... Vì thế luận chép: “Chứng đắc quả Bất hoàn theo thứ lớp: nếu ở đạo Giải thoát thứ chín, nhập bốn địa căn, nương theo đạo Thế gian thì do đây tám căn đắc. đạo Vô gián này tương ưng xả thọ. Ở đạo giải thoát lại có hỷ thọ. Hai thứ này giúp nhau để đắc quả thứ ba và đều làm hai nhân cho lia trôi buộc đắc giống như trước đây”. Giải thích Nếu là trường hợp của siêu việt chứng tức không nương định Vị chí mà từ đạo Giải thoát thứ chín đã nhập ngay vào căn bốn, Vì nếu là siêu việt chứng thì trước đó chưa đắc căn bốn cho nên ở định Vị chí đạo Giải thoát thứ chín nếu có tâm mong cầu thì nhập được căn bốn. Xả thọ ở đạo Vô gián chính là xả của địa vị chí; hỷ thọ ở đạo Giải thoát chính là hỷ của căn bốn sơ tinh lự. Do đạo Vô gián dứt trừ các phiền não thuộc địa dưới và mong cầu địa trên cho nên từ đạo Giải thoát liền nhập vào căn bốn.

Chín căn đắc quả Bất hoàn có hai trường hợp: 1. Trường hợp siêu việt chứng, vì thế luận chép: “Hoàn toàn lia dục tham” siêu việt chứng do chín căn mà đắc, như siêu việt chứng đắc quả Nhất lai nói trên. (Ở giai đoạn phàm phu trước đó đã dứt được chín phẩm phiền não nên nói là “hoàn toàn lia dục”, nay nhập thấy đạo cho đến Đạo loại trí đã vượt qua hai quả trước mà chứng thẳng quả thứ ba nên nói là “siêu việt chứng”). Tuy nói chung như thế nhưng vẫn có khác nhau, y địa này vốn khác nhau: nên trong ba căn lạc, hỷ và xả thì tùy theo sự thích ứng mà chỉ lấy một căn”. Như trên là văn luận. Giải thích: nói “tuy nói chung như thế” tức là tuy cùng có chín căn, thường đồng với Nhất lai nhưng có khác nhau, là vì tên của thọ trong có căn có khác, khác với Nhất lai, nghĩa là y địa này có khác nhau” là giải thích các tên gọi khác nhau của thọ căn: Quả Bất hoàn được chứng đắc nhờ nương vào sáu địa, nếu nương Vị chí, Trung gian và tinh lự thứ tư thì chỉ có xả thọ, nếu nương sơ tinh lự và tinh lự thứ hai thì có hỷ thọ, nếu nương theo tinh lự thứ ba thì có lạc thọ. Vì thế trong ba thọ, có thể lấy bất cứ một thọ nào cho nên mới có sự khác nhau về tên của thọ căn. 2. Y theo thứ lớp chứng của đạo Xuất thế: nếu ở đạo Giải thoát thứ chín, nhập địa căn bốn, tức do ý căn,

hỷ căn, xả căn, năm căn như Tín căn v.v... và dĩ tri căn. đạo Vô gián ấy tương ứng xả thọ, trong đạo Giải thoát lại có hỷ thọ cho nên có hai thọ, vì nương theo đạo Xuất thế nên cộng thêm dĩ tri căn. Vì thế luận chép: “Nương theo đạo Xuất thế do chín căn đắc: tám căn như trước cộng thêm dĩ tri căn vì Vô gián, Giải thoát thứ chín đều có căn này”. (“Tám căn như trước” giống như tám căn của thế gian ở trước, cộng thêm dĩ tri căn thành chín, “Vô gián Giải thoát đều có căn này” nghĩa là dĩ tri căn đều có ở đạo Vô gián và đạo Giải thoát cho nên phải cộng thêm).

Y theo sự trình bày ở trên, nên biết rằng trong câu “bảy, tám, chín” của bài tụng thì “bảy” có hai thứ là Nhất lai và Bất hoàn, mỗi thứ đều có bảy căn, “tám” có ba thứ là một thứ thuộc Nhất lai và hai thứ thuộc Bất hoàn; “chín” có ba thứ là một loại thuộc Nhất lai và hai thứ thuộc Bất hoàn.

**255. Mười một A-la-hán:** trích dẫn luận này để câu hỏi. Luận chép: Há không thấy “Căn bốn A-tỳ-đạt-ma chép: Hỏi “Đắc quả A-la-hán phải có bao nhiêu căn? Đáp: Mười một căn”. Vì sao ở đây nói chỉ có chín căn?”. (Mười một căn là ý căn, hỷ căn, lạc căn, xả căn, năm căn như Tín căn v.v... dĩ tri căn, và cụ tri căn).

**256. Y nhất dung hữu thuyết:** là trả lời câu hỏi trên: nếu dựa vào thân tức thì có thể có mười một căn vì thế luận này chép: “Thật ra chỉ có chín căn, nên nói là chín căn”. Do đó luận chép: “Thật ra để đắc quả thứ tư chỉ cần có chín căn, nhưng luận này nói mười một căn là dựa vào khả năng trong một thân vẫn có thể có mười một căn: tức có thể có một bồ-đặc-già-la thường bị lui sụt giai đoạn Vô học nhưng nhờ một một trong ba thọ hỷ, lạc, xả hiện tiền nên sau đó lại chứng được quả A-la-hán cho nên luận này mới nói là mười một căn. Thật ra không có trường hợp cả ba thọ xuất hiện cùng lúc, vì thế ở đây nói rằng chắc chắn chỉ có chín căn”. Giải thích: quả A-la-hán được chứng đắc ở cả chín địa, vì thế cả ba thọ hỷ, lạc, xả đều có thể chứng đắc. Ngoài ra, theo Tát-bà-đa, A-la-hán vẫn thường bị lui sụt cho nên ở trong một thân vẫn thừa nhận có ba thọ chứng đắc A-la-hán. Tuy nhiên lúc chứng đắc thì chỉ có một thọ nên nói là chín căn. Mỗi luận đều dựa vào một nghĩa khác nhau nhưng không trái nhau. Luận chép: “Đối với quả Bất hoàn, vì sao không nói như vậy? (Câu hỏi này đã thừa nhận quả thứ ba có thể được chứng đắc ở sáu địa, tức vẫn có ba thọ trong cùng một thân, vì sao luận này không nói mười một căn). Vì không có trường hợp lạc căn chứng quả Bất hoàn mà về sau lại có lui sụt, cũng không có trường hợp lui sụt rồi, do lạc căn mà sau lại được. (Đây là trả lời câu hỏi). Giải thích Nếu do lạc căn

chứng đắc thì không thể lui sụt, nếu đã lui sụt thì sau đó không thể đắc lại nhờ vào lạc căn. Vì thế biết rằng nếu đã do lạc thọ chứng đắc thì không có hỷ, xả, nếu do hỷ, xả chứng đắc thì không có lạc thọ. Như vậy trong cùng một thân không thể có ba thọ cùng lúc và không thể nói đắc quả Bất hoàn là do mười một căn. Lại Luận chép: “Bậc Thánh thuộc siêu việt chứng vốn là người đã xa lìa tất cả phiền não thuộc cõi Dục cho nên khi đã đắc quả Bất hoàn thì không thể lui sụt. Sự lìa dục mà bậc Thánh đắc được là nhờ vào hai đạo cho nên rất vững chắc”. Giải thích Đoạn văn này giải thích lý do không thể lui sụt nếu chứng được lạc căn. Vì lạc căn ở tại tính lự thứ ba, nếu là thứ lớp chứng thì chỉ đắc sơ thiền tính lự, nếu do lạc căn chứng đắc thì đó là trường hợp siêu việt chứng: tức ở giai đoạn phàm phu dứt trừ phiền não ở tính lự thứ ba, sau đó có thể nương vào tính lự này để khởi thấy đạo mà chứng được Bất hoàn, vì thế biết rằng siêu việt chứng đắc là do khởi được lạc căn. Và bậc Thánh thuộc siêu việt chứng rốt ráo không bị lui sụt vì chứng đắc hai đạo: 1. Ở giai vị phàm phu, dứt hết phiền não cõi Dục là sở đắc của đạo thế gian; 2. Nay nhập được thấy đạo là sở đắc của Thánh đạo. Bậc Thánh theo thứ lớp chứng chỉ đắc được nhờ nương vào một đạo vì thế vẫn có thể bị lui sụt. Luận này có nhiều chỗ quan trọng cho nên ghi chép đầy đủ.

### 17. Nói về thành tựu căn và số căn được thành tựu:

Dưới đây là phân bốn, nói về sự thành tựu các căn và số lượng các căn chắc chắn được thành tựu. Luận chép: “Nay nên suy nghĩ: thành tựu các căn nào, trong các căn đó, có mấy căn chắc chắn được thành tựu?”.

Tụng chép:

*Thành tựu mạng ý xả  
 Chắc chắn thành tựu ba  
 Nếu thành tựu lạc thân  
 Chắc chắn thành tựu bốn  
 Thành nhãn thấy và hỷ  
 Chắc chắn thành năm căn  
 Nếu thành tựu khổ căn  
 Chắc chắn thành tựu bảy  
 Nếu thành nữ nam ưu  
 Tín thấy đều thành tám  
 Hai Vô lậu mười một  
 Sơ Vô lậu mười ba.*

Giải thích:

**257-258. Thành tựu mạng ý xả, thì chắc chắn thành tựu ba:** có ba căn chắc chắn được thành tựu. Khi thành tựu mạng căn thì có ý căn và xả căn, khi thành tựu ý căn và xả căn thì thành tựu mạng căn: không thể thiếu một trong ba căn này.

**259-260. Nếu thành tựu lạc thân, thì chắc chắn thành tựu bốn:** khi thành tựu lạc căn thì có mạng căn, ý căn và xả căn, khi thành tựu thân căn thì có mạng căn, ý căn và xả căn.

Thành tựu lạc căn mà không thành tựu thân căn là trường hợp của bậc Thánh sinh lên cõi Vô Sắc vì ở cõi Vô Sắc thành tựu lạc căn Vô lậu của ba tỉnh lự dưới.

Thành tựu thân căn mà không thành tựu lạc căn là trường hợp dị sinh sinh lên tỉnh lự thứ tư vì đã dứt trừ lạc căn của ba tỉnh lự dưới: đã là phạm phu thì không thể thành tựu lạc căn Vô lậu ở các địa dưới cho nên chỉ thành tựu thân căn mà không có lạc căn.

Thành tựu lạc căn mà không thành tựu hỷ căn là trường hợp của dị sinh sinh lên tỉnh lự thứ ba.

**261-262. Thành nhân thủy và hỷ, các định thành năm căn:** nói “nhân v.v... là bao gồm nhĩ căn, tử căn và thiệt căn”. Nếu thành tựu nhân căn thì có năm căn là thân căn, mạng căn, ý căn, xả căn và nhân căn. Các trường hợp còn lại đều giống như trường hợp thành tựu nhân căn. Thành tựu hỷ căn thì có năm căn là mạng căn, ý căn, xả căn, lạc căn và hỷ căn. Luận chép: “Sinh lên tỉnh lự thứ hai, chưa đắc được tỉnh lự thứ ba, nếu đã xả địa dưới mà chưa được địa trên thì sẽ thành tựu loại lạc căn gì? (Đoạn văn này có ý đưa ra câu hỏi về thành tựu hỷ căn sẽ thành tựu lạc căn nói trên: tỉnh lự thứ hai không có lạc căn thuộc tự địa mà chỉ có hỷ căn. Sơ thiền có ba thức lạc, nay đã xả bỏ ý địa lạc của thiền Thứ ba nay lại chưa tu đắc nên nói xả dưới mà chưa được trên, sẽ thành lạc căn nào. Nên nói rằng thành tựu lạc căn nhiệm ô của tỉnh lự thứ ba vì chưa được các loại khác. (Đây là lời đáp: chưa dứt nhiệm ô của thiền thứ ba thì sẽ thành tựu “chưa đắc được các loại khác” tức là chưa đắc được loại lạc căn khác).

**263-264. Nếu thành tựu khổ căn, kia chắc chắn thành tựu bảy:** Kia là chỉ cho khổ căn, chắc chắn thành tựu bảy căn, là thân căn, mạng căn, ý căn, hỷ căn, lạc căn, xả căn và khổ căn. Thông thường khi thành tựu khổ căn thì phải ở cõi Dục cho nên không thể thiếu bảy thức căn này. Trong bốn thọ đã dứt trừ ưu căn vì được xả khi lìa dục.

**265-266. Nếu thành nữ nam ưu, tín v.v... đều thành tám, nghĩa là thành tựu nữ căn thì có tám căn là bảy căn, như trường hợp thành tựu**

khổ căn cộng thêm nữ căn, thành tựu nam căn cũng có tám căn là bảy căn như trên cộng thêm nam căn, khi thành tựu ưu căn cũng có tám, tức bảy căn như khổ cộng thêm ưu căn. Nếu thành tựu tín căn v.v... thì cũng có tám căn là mạng căn, ý căn, xả căn và năm căn như tín v.v...

**267. Hai Vô lậu mười một:** thành tựu hai căn dĩ tri và cụ tri thì mỗi trường hợp đều có mười một căn. Thành tựu dĩ tri căn có mười một căn là mạng căn, ý căn, hỷ căn, lạc căn, xả căn, năm căn như Tín căn v.v... và dĩ tri căn. Thành tựu cụ tri căn có mười một căn tức trong số mười một căn nói trên trừ dĩ tri căn mà thêm vào cụ tri căn.

**268. Sơ Vô lậu mười ba:** “Sơ Vô lậu” là vị tri đương tri căn. Khi thành tựu căn này thì có mười ba căn là thân căn, mạng căn, ý căn, hỷ căn, lạc căn, xả căn, khổ căn, năm căn như Tín căn v.v... và vị tri đương tri căn. Ở đây có thêm thân căn và khổ căn vì nếu thành tựu vị tri đương tri căn thì ở cõi Dục cho nên chắc chắn phải có thân căn và khổ căn.

### 18. Nói về số căn thành tựu ít nhất:

Dưới đây là thứ năm: số căn ít nhất được thành tựu. Luận chép: “Số căn được thành tựu ít nhất là bao nhiêu?”.

Tụng chép:

*Ít nhất tám vô thiện  
Thành thọ thân mạng ý  
Ngu sinh cõi Vô Sắc  
Thành thiện mạng ý xả.*

Giải thích:

**269-270. Ít nhất tám vô thiện:** “vô thiện” là chỉ cho người xiển-đề. Hạng người này thành tựu ít nhất là tám căn: thân căn, mạng căn, ý căn và năm căn thọ.

**271-272. Ngu sinh cõi Vô Sắc, thành thiện mạng ý xả:** “Ngu” là dị sinh vì chưa thấy đế. Hạng người này thành tựu ít nhất là tám căn: mạng căn, ý căn, xả căn, và năm căn như Tín căn v.v...

### 19. Nói về số căn thành tựu nhiều nhất:

Dưới đây là thứ sáu: số căn nhiều nhất được thành tựu. Luận chép: “Số căn được thành tựu nhiều nhất là bao nhiêu?”.

Tụng chép:

*Nhiều nhất là mười chín  
Hai hình trừ ba tịnh  
Bậc Thánh chưa lìa dục  
Trừ hai tịnh một hình.*

Giải thích:

**273. Nhiều nhất thành mười chín:** là tiêu đề.

**274. Hai hình trừ ba tịnh: là giải thích:** ở đây nói dị sinh thành mười chín căn, vì “hai hình” thì không phải bậc Thánh nên không có “ba tịnh”. Nói “ba tịnh” là chỉ cho ba căn Vô lậu. Ngoài ba căn này ra đều có khả năng thành tựu mười chín căn còn lại.

**275-276. Bậc Thánh chưa lìa dục, trừ hai tịnh một hình:** ở đây nói bậc Thánh chưa lìa dục nhiều nhất là thành mười chín căn, nghĩa là hai quả đầu và bất hoàn hưởng gọi là bậc Thánh chưa lìa dục. Trừ hai tịnh một hình là nói căn bị trừ. Nếu trụ ở thấy đạo thì trừ đi hai căn Vô lậu là vị tri đương tri và cụ tri. Trừ “một hình” tức trừ đi một trong hai căn nam nữ vì các bậc Thánh đều không thuộc “hai hình”. Do đó ngoài ba căn Vô lậu này ra, bậc Thánh ở Dục đều có thể có đủ mười chín căn còn lại.

